

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST

Ngày 13 – 4 – 2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung, chia tài sản chung và nợ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Trường

Ông Nguyễn Văn Hiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Độ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa:
Ông Võ Việt Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 441/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Diễm Tr, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp Thuận L, xã Tân T, huyện Đàm D, tỉnh Cà M. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Trang: Ông Thái Huyền Tr, sinh năm 1952; cư trú tại: Số 338/5A đường Quang Tr, khóm 4, phường 5, thành phố Cà M, tỉnh Cà M.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Phương T, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp Thuận L, xã Tân T, huyện Đàm D, tỉnh Cà M. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu Điện Liên V; Địa chỉ: Số 175, đường Lý Thường K, khóm 6, phường 6, thành phố Cà M, tỉnh Cà M.

Đại diện theo pháp luật: Phạm Doãn S – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông La Thiên T - Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên V chi nhánh Cà M.

Người được ủy quyền: Bà Đoàn Thúy V – Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên V – Chi nhánh Cà M (văn bản ủy quyền số 60/2021/QĐ-LienVietPostBank.CM ngày 18/02/2021). (vắng mặt)

3.2. Chị Trương Diễm Ph, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp Đức A, xã Phú H, huyện Cái N, tỉnh Cà M. (có mặt)

3.3. Ông Trương Văn E, sinh năm 1957; cư trú tại: Ấp Đức A, xã Phú H, huyện Cái N, tỉnh Cà M. (có mặt)

3.4. Ông Trần Văn D; cư trú tại: Ấp Thuận L, xã Tân T, huyện Đàm D, tỉnh Cà M. (vắng mặt)

3.5. Anh Huỳnh Phương T, sinh năm 1982, cư trú tại ấp Thạnh Q1, xã Trung H, huyện Cờ Đ, thành phố Cần Th. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 25/8/2020, lời trình bày của chị Trương Diễm Tr trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện:*

- Về hôn nhân: Chị Tr và anh T kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hộ Ph, huyện Giá R, tỉnh Bạc L. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khi anh chị sinh con thứ hai, cháu bị bệnh nên chi phí tốn kém, khả năng trang trải trong gia đình thiếu hụt phải vay nợ. Anh T nhiều lần đi uống rượu về kiếm chuyện gây gỗ, cự cãi có lần dùng vũ lực đánh chị. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhưng không thành, đã ly thân khoảng 1 năm. Nay chị Tr xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống cùng anh T nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Có 2 con chung tên Huỳnh Trương Phúc V, sinh ngày 27/9/2011 và Huỳnh Trương Phúc Th, sinh ngày 16/7/2015. Khi ly hôn chị Tr yêu cầu giao 02 người con cho anh T nuôi, chị Tr đồng ý cấp dưỡng nuôi Phúc V mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi Phúc V tròn 18 tuổi; cấp dưỡng suốt đời cho Phúc Th mỗi tháng 1.000.000 đồng do Phúc Th bị khuyết tật. Phương thức cấp dưỡng hằng tháng.

- Về tài sản chung gồm:

+ Phần diện tích 180m² (ngang 5m, dài 36m) tại ấp Thuận L, xã Tân T, huyện Đàm D. Nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn D vào năm 2018 với giá 250.000.000 đồng, do diện tích nhỏ không đủ hạn mức để được cấp giấy nên ông D vẫn còn đứng tên giấy chứng nhận. Trị giá diện tích đất là 300.000.000 đồng.

+ Một ngôi nhà tiền chế xây dựng trên đất vào năm 2018, kích thước ngang 5m, dài 15m, kết cấu vách tol lạnh, mái lợp tol lạnh, kèo sắt, nền lót gạch men cùng 2 mái che phụ. Trị giá 180.000.000 đồng.

+ Một tủ lạnh hiệu Sanaky mua năm 2019 với giá 24.000.000 đồng, giá trị còn lại 21.000.000 đồng.

+ Một tủ lạnh hiệu Panasonic mua năm 2018 với giá 12.000.000 đồng, giá trị còn lại 10.000.000 đồng.

+ Một tủ lạnh hiệu Panasonic mua năm 2014 với giá 5.000.000 đồng, giá trị còn lại 2.500.000 đồng.

+ Một xe mô tô hiệu Hayate mua năm 2014 với giá 24.000.000 đồng, giá trị còn lại 10.000.000 đồng.

+ Một bộ salon nệm mua năm 2019 giá 5.000.000 đồng. Giá trị còn lại khoảng 4.000.000 đồng.

+ Một máy tính sách tay mua năm 2016 giá trị mua mới là 10.000.000 đồng, giá trị còn lại 6.000.000 đồng.

+ Một máy tính để bàn mua năm 2010 không xác định được giá mua mới, giá trị còn lại 3.000.000 đồng.

+ Một tủ nhôm mua năm 2020 giá mua mới 5.000.000 đồng. Giá trị còn lại 5.000.000 đồng.

+ Một tủ áo nhôm mua năm 2014 giá mua mới 2.500.000 đồng, giá trị còn lại 2.000.000 đồng.

+ Một máy đánh kem mua năm 2019 giá 5.000.000 đồng, giá trị sử dụng còn lại khoảng 3.500.000 đồng.

+ Một lò nướng bánh mua năm 2018 giá mua mới là 1.500.000 đồng, giá trị còn lại 1.000.000 đồng.

+ Một tủ áo nhựa (không nhớ thời điểm mua) giá mua mới là 1.000.000 đồng, giá trị còn lại 500.000 đồng.

+ Một máy lọc nước hiệu Kangaro mua 2014 giá mua mới là 5.000.000 đồng, giá trị còn lại 2.500.000 đồng.

+ Một nệm ngủ mua năm 2019, giá mua mới 2.000.000 đồng. Giá trị sử dụng còn lại 2.000.000 đồng.

+ 10 bộ bàn nhựa, 10 ghế nhựa và 50 ghế nhựa nhỏ, tổng giá trị 1.500.000 đồng, giá trị còn lại 1.000.000 đồng.

+ Một máy hàn nhôm, sắt mua năm 2019, giá mua mới là 1.000.000 đồng. Đến nay chưa sử dụng nên giá trị sử dụng còn lại là 1.000.000 đồng.

+ Máy cắt mua năm 2020, giá mua mới 500.000 đồng. Đến nay chưa sử dụng nên giá trị sử dụng còn lại là 500.000 đồng.

+ Một số vật dụng khác trong gia đình: bếp ga, bình ga, chén, xoong, bàn học giá còn lại khoảng 2.000.000 đồng.

+ 04 cái camera, không biết hiệu, giá mua mới chị Trang không xác định được do anh Tạo mua, đã hư 2 cái, còn lại 2 cái giá khoảng 500.000 đồng.

Đổi máy giặt hiệu Samsung mua năm 2014 giá 5.000.000 đồng. Theo đơn kiện chị Tr có đặt ra yêu cầu phân chia nhưng hiện tại đã hư, không còn hoạt động được nên không yêu cầu phân chia.

Tổng giá trị tài sản là 558.000.000 đồng (năm trăm năm mươi tám triệu đồng). Toàn bộ tài sản trên hiện do anh T quản lý. Khi ly hôn chị Tr yêu cầu phân chia mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$, chị yêu cầu hưởng giá trị, giao hiện vật cho anh T hưởng.

- Về nợ gồm:

+ Nợ ông Trương Văn E số tiền 150.000.000 đồng. Theo chị Tr trình bày chị và anh T thống nhất mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông E, nhờ ông E đứng tên vay tiền tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Cái N vào tháng 5/2018. Mục đích mượn để mua đất và cất nhà. Khi hỏi mượn không có làm giấy tờ, sau đó mới làm giấy nhận nợ, nội dung giấy nợ là mượn tiền chứ không thể hiện mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy nợ do chị Tr ký nhận. Thỏa thuận với ông E là vốn lãi do chị Tr và anh T đứng ra trả cho Ngân hàng. Từ khi vay đến nay có thanh toán lãi, còn vốn chưa thanh toán. Việc thanh toán lãi do chị Tr và anh T thanh toán cho Ngân hàng. Vào ngày 8/5/2020 ông E có đứng ra gia hạn lại hợp đồng. Số tiền lãi tính đến ngày xét xử là 13.000.000 đồng (ngưng đóng lãi từ tháng 7/2020 đến nay, lãi suất mỗi tháng khoảng 1.267.000 đồng).

+ Nợ chị Trương Diễm Ph số tiền 40.000.000 đồng. Mượn vào ngày 02/6/2018, chị Tr và anh T mượn để cất nhà, khi mượn không có làm giấy tờ, sau này mới làm giấy tay, do chị Tr ký nhận. Vào ngày 23/11/2019 có trả 10.000.000 đồng, anh T là người trực tiếp trả cho chị Ph. Còn nợ lại chị Ph 30.000.000 đồng đến nay chưa trả.

+ Nợ Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên V chi nhánh Cà M. Anh Tạo đứng tên vay 160.000.000 đồng, chị Tr vay 110.000.000 đồng vay cùng thời điểm là vào ngày 17/4/2018, vay theo bản lương, phương thức thanh toán sẽ trừ vốn lãi hàng tháng cho Ngân hàng, thời hạn trả 5 năm. Hợp đồng anh T đứng vay số dư nợ còn lại vốn lãi khoảng 82.657.000 đồng; Hợp đồng của chị Tr dư nợ còn lại là 56.814.000 đồng.

Khi ly hôn chị Tr yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ của ông E và chị Ph. Đối với nợ Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên V chi nhánh Cà M do Ngân hàng không khởi kiện nên chị và anh T sẽ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng của Ngân hàng, tuy nhiên đối với số dư nợ của 2 hợp đồng là 25.843.000 đồng, chị Tr tự nguyện giao lại cho anh T $\frac{1}{2}$ dư nợ là 13.000.000 đồng. Đối với khoảng nợ anh Huỳnh Phương T anh T cho rằng chị và anh T có mượn của anh T 200.000.000 đồng để xây dựng nhà, chị Tr xác định không có nên không đồng ý trả.

Quá trình giải quyết vụ án chị Tr có đơn yêu anh T bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm, tại phiên tòa chị Tr không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

* Bị đơn anh Huỳnh Phương T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Tr trình bày thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn và thời gian ly thân là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn như chị Tr trình bày không đúng. Nguyên nhân chủ yếu là do chị Tr nghe lời bên cha mẹ ruột, khi cha anh mất chị Tr không để tang, đến khi mẹ anh mất giữa anh và chị Tr lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Anh không có uống rượu về gây chuyện hay đánh chị Tr. Vào khoảng tháng 6 năm 2020, chị Tr cho rằng anh đánh mà bỏ nhà đi là do chị Tr hiểu lầm hành động của anh, anh chỉ thể hiện tình cảm với chị Tr, chị Tr phản ứng mạnh, hai bên câu vật khi anh buồn chị Tr ra thì chị Tr chạy đi báo công an, anh xác định anh không có gây thương tích cho chị Tr. Mâu thuẫn giữa anh và chị Tr không được gia đình hòa giải hàn gắn. Nay anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị Tr, mong muốn được hàn gắn để cùng nuôi con vì có một đứa con bị bệnh, không phát triển bình thường. Trường hợp chị Tr vẫn giữ quan điểm yêu cầu được ly hôn với anh thì anh yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định.

- Về con chung: Có 2 con chung như chị Tr trình bày là đúng. Khi ly hôn anh đồng ý nuôi 02 con. Thống nhất mức cấp dưỡng mà chị Tr đặt ra.

- Về tài sản chung: Anh T xác định các loại tài sản mà chị Tr đặt ra là đúng và thống nhất với giá trị chị Tr trình bày. Toàn bộ tài sản anh đang quản lý, ngoài ra không còn tài sản nào khác. Khi ly hôn anh đồng ý phân chia mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$ nhưng yêu cầu được hưởng giá trị để mở tài khoản nuôi con chứ anh không có khả năng hoàn lại giá trị cho chị Tr.

- Về nợ:

+ Nợ ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên V chi nhánh Cà M như chị Tr trình bày là đúng.

+ Nợ ông Trương Văn E và chị Trương Diễm Ph là không có, anh có giao dịch với Ngân hàng nông nghiệp huyện Cái N vài lần nhưng chỉ đến đóng lãi thay cho ông E do ông E nhờ. Anh T xác định nguồn tiền để cất nhà là do vợ chồng tích lũy khoảng 40.000.000 đồng, hỗ trợ từ mái ấm công đoàn khoảng 35.000.000 đồng, vay ngân hàng Liên V và mượn thêm của em của anh là Huỳnh Phương T số tiền 200.000.000 đồng. Số tiền mượn của anh T anh T đứng ra vay nhưng được sự thống nhất của chị Tr.

Khi ly hôn anh T yêu cầu nợ Ngân hàng Bưu điện Liên V sau khi trừ đi phần chênh lệch của số dư nợ còn lại là gần 26.000.000 đồng, yêu cầu chị Tr giao lại cho anh 13.000.000 đồng thì hợp đồng của ai người đó sẽ tự thanh toán với Ngân hàng; Nợ anh T yêu cầu phân chia mỗi người trả $\frac{1}{2}$; nợ ông E và chị Ph anh không thừa nhận nên không đồng ý trả.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông E trình bày:* Vào tháng 4 năm 2018, anh T và chị Tr có đến đặt vấn đề hỏi mượn ông số tiền 150.000.000 đồng, ông không có tiền nên hai bên thống nhất mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông vay tiền Ngân hàng. Tháng 5/2018, anh T có chở ông ra Cà Mau đến Ngân hàng Bưu điện Liên V để vay nhưng vay không được nên về Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện Cái N vay, số tiền vốn vay là 150.000.000 đồng, do

ông đứng tên hợp đồng vay và có thỏa thuận riêng với chị Tr và anh T là anh, chị sẽ thanh toán vốn lãi cho Ngân hàng (việc thỏa thuận không có làm giấy tờ). Sau khi vay về ông giao tiền cho anh T, việc giao tiền chỉ có người trong gia đình biết. Ông có đứng ra gia hạn hợp đồng vào tháng 5 năm 2020. Theo ông biết thì vốn chị Tr và anh T chưa trả cho Ngân hàng, còn lãi thì thanh toán không đúng hạn. Ông xác định ông là người có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và số tiền vay ông đứng vay là vay dùm cho chị Tr và anh T. Khi chị Tr và anh T ly hôn thì ông yêu cầu chị Tr và anh T trả cho ông số tiền vốn 150.000.000 đồng và số lãi theo hợp đồng tính đến thời điểm xét xử là 13.000.000 đồng.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Ph trình bày:* Ngày 02/6/2018, chị Tr và anh T đến hỏi mượn chị số tiền 40.000.000 đồng, khi mượn không có làm biên nhận nợ, sau này để làm tin cho chồng chị Ph mới làm biên nhận do chị Tr ký, số tiền mượn chị giao trực tiếp cho anh T nhận, việc giao nhận tiền không ai chứng kiến, mục đích mượn là để cất nhà. Quá trình mượn anh T có trả cho chị được 10.000.000 đồng vào ngày 23/11/2019. Số tiền còn lại đến nay chưa thanh toán. Khi chị Tr và anh T ly hôn chị yêu cầu chị Tr và anh T cùng có nghĩa vụ trả cho chị số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D trình bày tại phiên tòa ngày 26/3/2021 như sau:*

Năm 2018, ông có chuyển nhượng cho anh T và chị Tr phần đất diện tích 180m² (ngang 5m, dài 36m) tại ấp Thuận L, xã Tân T, huyện Đàm D với giá 250.000.000 đồng, do diện tích nhỏ không đủ hạn mức để được cấp giấy nên ông vẫn còn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông đang quản lý, không có thể chấp giấy chứng nhận vay vốn tại cơ quan, tổ chức, cá nhân bên ngoài. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia phần đất ông đã chuyển nhượng cho anh T và chị Tr theo quy định.

** Đại diện Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên V trong quá trình giải quyết vụ án, thể hiện:*

Chị Tr và anh T có vay vốn tại Ngân hàng, về thời gian giao kết, số nợ gốc và dư nợ còn lại là đúng theo hợp đồng. Ngân hàng luôn tạo điều kiện đối với khách hàng vay. Trường hợp của chị Tr và anh T vay theo bản lương và thanh toán hàng tháng theo lương, đến thời điểm này anh T và chị Tr vẫn thực hiện tốt nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Việc thỏa thuận khoảng tiền chênh lệch của hai hợp đồng giữa chị Tr và anh T là thỏa thuận riêng, Ngân hàng không tham gia. Trong vụ án này Ngân hàng không có yêu cầu khởi kiện đối với chị Tr và anh T, trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu chị Tr và anh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

** Đối với anh Huỳnh Phương T:* Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T, anh T có đơn khởi kiện độc lập yêu cầu chị Tr và anh T trả số tiền 200.000.000 đồng nhưng không dự nộp tạm ứng án phí theo quy định và không tham gia hòa giải và xét xử.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Tr, ông Thái Huyền Tr đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr. Về hôn nhân: cho chị Tr được ly hôn với anh T; về con chung: giao 02 con cho anh T nuôi dưỡng, chị Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng cho Phúc V 750.000 đồng/tháng cho đến khi Phúc V tròn 18 tuổi, cấp dưỡng suốt đời cho Phúc Th 1.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng hằng tháng; về tài sản chung: giao tài sản là hiện vật cho anh T hưởng, anh T có nghĩa vụ giao lại cho chị Tr $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 279.000.000 đồng; về nợ: Buộc chị Tr và anh T trả nợ cho ông E số tiền vốn, lãi là 163.000.000 đồng, trả cho chị Ph 30.000.000 đồng; đối với nợ anh Huỳnh Phương T không có yêu cầu khởi kiện nên không xem xét; nợ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên V chị Tr có nghĩa vụ giao lại cho anh T 13.000.000 đồng là $\frac{1}{2}$ chênh lệch của dư nợ theo 2 hợp đồng.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự. Qua xem xét lời trình bày của đương sự và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về hôn nhân: Cho chị Trương Diễm Tr ly hôn với anh Huỳnh Phương T; về nuôi con chung: Giao Huỳnh Trương Phúc V, sinh ngày 27/9/2011 và Huỳnh Trương Phúc Th, sinh ngày 16/7/2015 cho anh T nuôi dưỡng, chị Trang có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Phúc V mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi Phúc V tròn 18 tuổi; cấp dưỡng suốt đời cho Phúc Th mỗi tháng 1.000.000 đồng; về tài sản chung: Giao cho anh T hưởng toàn bộ hiện vật, anh T có nghĩa vụ giao lại cho chị Tr $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 279.000.000 đồng; về nợ: Buộc anh Tạo và chị Tr trả cho ông E số tiền vốn 150.000.000 đồng cùng tiền lãi là 13.000.000 đồng; buộc chị Tr và anh Tạo trả cho chị Ph 30.000.000 đồng.

Đối với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên V và anh Huỳnh Phương T không có yêu cầu khởi kiện nên không đặt ra xem xét.

Về án phí và chi phí tố tụng: Chị Tr và anh T chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Đại diện Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên V – chị Đoàn Thúy V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Huỳnh Phương T, ông Trần Văn D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về hôn nhân*: Chị Tr và anh T tự nguyện chung sống năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hộ Ph, huyện Giá R, tỉnh Bạc Liêu nên hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn chị Tr và anh T trình bày không thống nhất nhau. Chị Tr xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng anh T nên cương quyết xin được ly hôn; anh T yêu cầu được hàn gắn để cùng nuôi con, hơn nữa anh vẫn còn thương chị Tr, trường hợp chị Trang vẫn giữ quan điểm xin ly hôn thì anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định.

Xét mâu thuẫn giữa chị Tr và anh T thấy rằng: Chị Tr và anh T nêu rất nhiều mâu thuẫn, dù không thống nhất với nhau nhưng cho thấy mâu thuẫn giữa anh, chị đã thật sự trầm trọng bởi lẽ anh, chị có khoảng thời gian ly thân dài mà không thể tự hàn gắn để trở lại chung sống. Anh T có mong muốn được hàn gắn nhưng từ khi anh và chị Tr ly thân đến khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án anh không đưa ra được giải pháp để có thể toàn tụ cùng chị Tr, chứng tỏ mục đích hôn nhân của anh, chị không còn đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Tr, cho chị Tr ly hôn với anh T.

[2.2] *Về con chung*: Chị Tr và anh T thỏa thuận giao Huỳnh Trương Phúc V sinh ngày 27/9/2011 và Huỳnh Trương Phúc Th, sinh ngày 16/7/2015 cho anh T nuôi dưỡng, chị Tr đồng ý cấp dưỡng nuôi Phúc V mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi Phúc V tròn 18 tuổi; cấp dưỡng suốt đời cho Phúc Th mỗi tháng 1.000.000 đồng do Phúc Th bị khuyết tật.

Xét thỏa thuận của chị Tr và anh T không trái pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu Phúc V nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Tr có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] *Về tài chung*: Chị Tr và anh T xác định anh, chị có các loại tài sản và giá trị từng loại tài sản, cụ thể như sau:

+ Phần đất diện tích 180m² (ngang 5m, dài 36m) tại ấp Thuận L, xã Tân T, huyện Đầm D. Nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn D vào năm 2018 với giá 250.000.000 đồng. Do diện tích nhận chuyển nhượng nhỏ, không đủ hạn mức cấp giấy chứng nhận theo quy định nên ông D vẫn còn đứng tên giấy chứng nhận, có các hướng tiếp giáp sau:

Hướng đông: Giáp phần đất còn lại của ông Trần Văn D

Hướng tây: Giáp lộ xe Đầm D, Tân T

Hướng nam: Giáp phần đất còn lại của ông Trần Văn D

Hướng bắc: Giáp phần đất còn lại của ông Trần Văn D

Trị giá là 300.000.000 đồng

+ Một ngôi nhà tiền chế xây dựng trên đất vào năm 2018, kích thước ngang 5m, dài 15m, kết cấu vách tol lạnh, mái lợp tol lạnh, kèo sắt, nền lót gạch men cùng 2 mái che phụ. Trị giá 180.000.000 đồng.

+ Một tủ lạnh hiệu Sanaky mua năm 2019 với giá 24.000.000 đồng, giá trị còn lại 21.000.000 đồng.

+ Một tủ lạnh hiệu Panasonic mua năm 2018 với giá 12.000.000 đồng, giá trị còn lại 10.000.000 đồng.

+ Một tủ lạnh hiệu Panasonic mua năm 2014 với giá 5.000.000 đồng, giá trị còn lại 2.500.000 đồng.

+ Một xe mô tô hiệu Hayate mua năm 2014 với giá 24.000.000 đồng, giá trị còn lại 10.000.000 đồng.

+ Một bộ salon nệm mua năm 2019 giá 5.000.000 đồng. Giá trị còn lại khoảng 4.000.000 đồng.

+ Một máy tính xách tay mua năm 2016 giá trị mua với là 10.000.000 đồng, giá trị còn lại 6.000.000 đồng.

+ Một máy tính để bàn mua năm 2010 không xác định được giá mua mới, giá trị còn lại 3.000.000 đồng.

+ Một tủ nhôm mua năm 2020 giá 5.000.000 đồng. Giá trị còn lại 5.000.000 đồng.

+ Một tủ áo nhôm mua năm 2014 giá mua mới 2.500.000 đồng, giá trị còn lại 2.000.000 đồng.

+ Một máy đánh kem mua năm 2019 giá 5.000.000 đồng, giá trị sử dụng còn lại khoảng 3.500.000 đồng.

+ Một lò nướng bánh mua năm 2018 giá mua mới là 1.500.000 đồng, giá trị còn lại 1.000.000 đồng.

+ Một tủ áo nhựa (không nhớ thời điểm mua) giá mua mới là 1.000.000 đồng, giá trị còn lại 500.000 đồng.

+ Một máy lọc nước hiệu Kangaro mua 2014 giá mua mới là 5.000.000 đồng, giá trị còn lại 2.500.000 đồng.

+ Một nệm ngủ mua năm 2019, giá mua mới 2.000.000 đồng. Giá trị sử dụng còn lại 2.000.000 đồng.

+ 10 bộ bàn nhựa, 10 ghế nhựa và 50 ghế nhựa nhỏ, tổng giá trị 1.500.000 đồng, giá trị còn lại 1.000.000 đồng.

+ Một máy hàn nhôm, sắt mua năm 2019, giá mua mới là 1.000.000 đồng. Đến nay chưa sử dụng nên giá trị sử dụng còn lại là 1.000.000 đồng.

+ Máy cắt mua năm 2020, giá mua mới 500.000 đồng. Đến nay chưa sử dụng nên giá trị sử dụng còn lại là 500.000 đồng.

+ Một số vật dụng khác trong gia đình: bếp ga, bình ga, chén, xoong, bàn học giá còn lại 2.000.000 đồng.

+ 04 cái camera, không biết hiệu, giá mua mới chị Trang không xác định được do anh Tạo mua, đã hư 2 cái, còn lại 2 cái giá 500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 558.000.000 đồng (năm trăm năm mươi tám triệu đồng). Toàn bộ tài sản trên hiện do anh T quản lý. Khi ly hôn chị Tr yêu cầu phân chia mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$, chị yêu cầu hưởng giá trị, giao hiện vật cho anh T hưởng; anh T yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, giao hiện vật cho chị Tr hưởng.

Xét thấy: Toàn bộ tài sản trên từ khi chị Tr và anh T ly thân đến nay do anh T trực tiếp quản lý, sử dụng. Sau ly hôn anh T sẽ là người trực tiếp nuôi 2 con nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Tr, giao cho anh T hưởng toàn bộ hiện vật, anh T có nghĩa vụ giao lại cho chị Tr $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản bằng 279.000.000 đồng là phù hợp.

[2.4] Về nợ:

- Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn E yêu cầu chị Tr và anh T trả cho ông 150.000.000 đồng cùng số tiền lãi là 13.000.000 đồng (từ tháng 7 năm 2020 đến nay chị Tr và anh T không thanh toán lãi cho Ngân hàng): Chị Tr thừa nhận có nhờ ông E vay 150.000.000 đồng để mua đất, cất nhà, chị đồng ý cùng anh T trả cho ông E số nợ trên; anh T không thừa nhận và không đồng ý trả.

Chị Tr trình bày trước khi mua đất chị và anh T sống trong khu tập thể nhà trường, khi Trường có chủ trương không cho giáo viên sống trong trường thì chị và anh T gặp khó khăn do không có tiền để mua đất, cất nhà nên chị và anh T hỏi mượn cha chị là ông E 150.000.000 đồng bằng cách nhờ ông E vay vốn Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện Cái N, vay ngân hàng TMCP Bưu điện Liên V 100.000.000 đồng (theo 2 hợp đồng thì số tiền vay là 270.000.000 đồng nhưng trước đó có vay, khi đáo hạn lại, tất toán nợ cũ thì số tiền thực nhận là 100.000.000 đồng), công đoàn trường hỗ trợ 35.000.000 đồng, hót hụi 14.000.000 đồng, mượn chị Trương Diễm Ph 40.000.000 đồng.

Anh T xác định nguồn tiền mua đất, cất nhà gồm: vợ chồng tích lũy được 40.000.000 đồng, vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên V 50.000.000 đồng (theo 2 hợp đồng thì số tiền vay là 270.000.000 đồng nhưng trước đó có vay, khi đáo hạn lại, tất toán nợ cũ thì số tiền thực nhận là 50.000.000 đồng), mượn Huỳnh Phương T 200.000.000 đồng, hót hụi 14.000.000 đồng và Công đoàn trường hỗ trợ 35.000.000 đồng.

Qua trình bày của ông E, chị Tr và anh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn tiền mua đất, cất nhà các đương sự trình bày không thống nhất với nhau, tuy nhiên các hợp đồng tín dụng được các đương sự ký kết với Ngân hàng tương đối trùng khớp với thời gian anh T và chị Tr mua đất, cất nhà. Đối với hợp đồng tín dụng của ông E với Ngân hàng nông nghiệp Cái N qua rà soát cung cấp thông tin từ phía Ngân hàng thể hiện có 8 giao dịch thanh toán lãi; anh T có 2 lần đứng ra giao dịch trả lãi, chị Tr có 4 lần và chị Ph có 2 lần. Theo ông E trình bày thì khoảng cách từ nhà ông đến Ngân hàng khoảng vài trăm km, con ông đều biết chạy xe nên không có chuyện ông nhờ chị Tr và anh T đi đóng lãi trong khi chị Tr và anh T ở xa lại còn phải đi làm việc. Mặc dù anh T không thừa nhận khoản nợ trên nhưng qua thu thập chứng cứ cũng như lời trình bày các bên có cơ sở xác định chị Tr và anh T có nợ ông E 150.000.000 đồng nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông E, buộc anh T và chị Trang có nghĩa vụ trả cho ông E số tiền vốn 150.000.000 đồng.

Xét yêu cầu trả lãi của ông E thấy rằng: mặc dù chị Tr và anh T không đứng ra vay vốn tại Ngân hàng nhưng chấp nhận đóng lãi cho Ngân hàng xem như chị Tr và anh T thống nhất với mức lãi theo hợp đồng tín dụng giữa ông E với Ngân hàng, hơn nữa cũng phù hợp với mức lãi suất theo quy định nên được chấp nhận. Buộc anh T và chị Tr trả số tiền lãi còn nợ tính đến ngày xét xử là 13.000.000 đồng.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ph, yêu cầu chị Tr và anh T trả số tiền 30.000.000 đồng, thấy rằng: Theo biên nhận nợ ngày 02/6/2018 thể hiện chị Tr và anh T có mượn của chị Ph 40.000.000 đồng nhưng chỉ có chị Tr ký nhận nợ, không có chữ ký của anh T. Quá trình giải quyết vụ án anh T không thừa nhận khoản nợ này, chị Ph và chị Tr không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh đây là khoản nợ chung của chị Tr và anh T nên có cơ sở xác định đây là nợ riêng của chị Tr. Do đó cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Ph, buộc chị Tr có nghĩa vụ trả cho chị Ph số tiền 30.000.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu của chị Ph về việc buộc anh T cùng có nghĩa vụ với chị Tr trả cho chị số tiền 30.000.000 đồng.

- Đối với 2 hợp đồng tín dụng do chị Tr và anh T ký kết với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên V, Ngân hàng cho rằng chị Tr và anh T vẫn đang thực hiện tốt nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng không khởi kiện. Do Ngân hàng không khởi kiện chị Tr và anh T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với thỏa thuận chị Tr giao lại cho anh T số tiền 13.000.000 đồng là $\frac{1}{2}$ số tiền chênh lệch dư nợ của 2 hợp đồng. Xét thấy đây là thỏa thuận riêng của chị Tr và anh T nhưng có liên quan đến các hợp đồng nêu trên, dù hợp đồng anh T và chị Tr ký kết riêng nhưng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, là nợ chung của anh chị, trường hợp có 1 hợp đồng vi phạm, Ngân hàng có khởi kiện thì cũng sẽ xem xét nghĩa vụ chung của chị Tr và anh T nên Hội đồng xét xử không ghi nhận thỏa thuận trên giữa chị Tr và anh T trong vụ án này.

- Đối với đơn yêu cầu độc lập của anh Huỳnh Phương T, yêu cầu chị Tr và anh T trả số tiền 200.000.000 đồng. Tòa án có ra Thông báo yêu cầu anh T dự nộp tạm ứng án phí theo quy định nhưng anh T không nộp tạm ứng án phí nên Tòa án không xem xét quyền lợi của anh T trong vụ án này. Trường hợp có tranh chấp anh T có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a, b khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Tr và anh T phải chịu như sau:

+ Chị Tr phải chịu án phí hôn nhân là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011074 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị Tr đã nộp xong). Án phí cấp dưỡng nuôi con chị Tr phải chịu 300.000 đồng (chưa nộp), án phí phân chia tài sản chị Tr phải chịu 8.375.000 đồng,

chị Tr đã dự nộp 5.325.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011073 ngày 05/10/2020, đối trừ chị Tr còn phải nộp tiếp 3.050.000 đồng;

+ Anh T phải chịu án phí phân chia tài sản số tiền 9.875.000 đồng (chưa nộp).

+ Ông Trương Văn E không phải chịu án phí (có đơn xin miễn án phí).

+ Chị Trương Diễm Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 750.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011179 ngày 20/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ chị Tr phải chịu 1.331.000 đồng; anh T phải chịu 1.331.000 đồng. Chị Tr đã nộp chi phí thẩm định số tiền 2.662.000 đồng và đã được đối chiếu xong. Anh T có trách nhiệm trả cho Tr số tiền 1.331.000 đồng (một triệu ba trăm ba mươi một nghìn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi để hoàn trả lại cho chị Tr.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a, b khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Diễm Tr

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Trương Diễm Tr được ly hôn với anh Huỳnh Phương T.

1.2. Về con chung: Giao Huỳnh Trương Phúc V sinh ngày 27/9/2011 và Huỳnh Trương Phúc Th, sinh ngày 16/7/2015 cho anh T nuôi dưỡng, chị Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Phúc V mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi Phúc V tròn 18 tuổi; cấp dưỡng suốt đời cho Phúc Th mỗi tháng 1.000.000 đồng. Phương thức cấp dưỡng hằng tháng. Chị Tr có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về chia tài sản: Chị Tr và anh T được hưởng $\frac{1}{2}$ tài sản cụ thể:

Giao cho anh T được hưởng các tài sản gồm:

- Phần diện tích 180m² (ngang 5m, dài 36m) tại ấp Thuận L, xã Tân T, huyện Đầm D, do ông Trần Văn D đứng tên quyền sử dụng, có các hướng tiếp giáp: Hướng đông giáp phần đất còn lại của ông Trần Văn D, hướng tây giáp lộ xe Đầm D-Tân T, hướng nam giáp phần đất còn lại của ông Trần Văn D, hướng bắc giáp phần đất còn lại của ông Trần Văn D (có sơ đồ đo đạc kèm theo);

- Một ngôi nhà tiền chế xây dựng trên phần đất nêu trên, kích thước ngang 5m, dài 15m, kết cấu vách tol lạnh, mái lợp tol lạnh, kèo sắt, nền lót gạch men cùng 2 mái che phụ;

- Một số tài sản khác gồm: 01 tủ lạnh hiệu Sanaky, 02 tủ lạnh hiệu Panasonic, 01 xe mô tô hiệu Hayate, 01 bộ salon nệm, 01 máy tính xách tay, 01 máy tính để bàn, 01 tủ nhôm, 01 tủ áo nhôm, 01 máy đánh kem, 01 lò nướng bánh, 01 tủ áo nhựa, 01 máy lọc nước hiệu Kangaro, 01 nệm ngủ, 10 bộ bàn nhựa, 10 ghế nhựa và 50 ghế nhựa nhỏ, 01 máy hàn nhôm, sắt, 01 máy cắt cùng số vật dụng khác trong gia đình: bếp ga, bình ga, chén, xoong, bàn học, 02 cái camera.

Anh T có nghĩa vụ giao lại cho chị Tr được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản với số tiền 279.000.000 đồng.

1.4. Về nợ:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn E. Buộc chị Trang và anh T mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông E số tiền 81.500.000 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trương Diễm Ph. Buộc chị Trương Diễm Tr có nghĩa vụ trả cho chị Ph 30.000.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Ph về việc yêu cầu anh Tạo cùng có nghĩa vụ với chị Tr trả nợ cho chị số nợ trên.

2. Về án phí:

- Chị Tr phải chịu án phí hôn nhân là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011074 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi (chị Tr đã nộp xong). Án phí cấp dưỡng nuôi con chị Tr phải chịu 300.000 đồng (chưa nộp), án phí phân chia tài sản chị Tr phải chịu 8.375.000 đồng $((297.000.000 \text{ đồng} - 111.500.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 8.375.000 \text{ đồng})$, chị Tr đã dự nộp 5.325.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011073 ngày 05/10/2020, đối trừ chị Tr còn phải nộp tiếp 3.050.000 đồng;

- Anh T phải chịu phí phân chia tài sản số tiền 9.875.000 đồng $((279.000.000 \text{ đồng} - 81.500.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 9.875.000 \text{ đồng})$. (chưa nộp)

- Ông Trương Văn E không phải chịu án phí (có đơn xin miễn án phí)

- Chị Trương Diễm Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 750.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011179 ngày 20/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi, được nhận lại.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản chị Tr phải chịu 1.331.000 đồng; anh T phải chịu 1.331.000 đồng. Chị Tr đã nộp chi phí thẩm định số tiền 2.662.000 đồng và đã được đối chiếu xong. Anh T có trách nhiệm trả cho Tr số tiền 1.331.000 đồng (một triệu ba trăm ba mươi một nghìn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi để hoàn trả lại cho chị Tr.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà M;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Hộ Ph, huyện Giá R;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai